

Số: 2279 /QĐ-UBND

Sơn La, ngày 09 tháng 09 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành tại Nghị quyết số 25/2026/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định chính sách hỗ trợ người lao động của tỉnh Sơn La đi làm việc ở nước ngoài giai đoạn 2026-2030

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2026/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định chính sách hỗ trợ người lao động của tỉnh Sơn La đi làm việc ở nước ngoài giai đoạn 2026-2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 876/TTr-SNV ngày 07 tháng 9 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 02 thủ tục hành chính mới ban hành tại Nghị quyết số 25/2026/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ người lao động của tỉnh Sơn La đi làm việc ở nước ngoài giai đoạn 2026-2030.

(có Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC, Bộ Tư pháp (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TTPVHCC, Hương (02b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Ngọc Hậu



PHỤ LỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH TẠI NGHỊ QUYẾT
SỐ 25/2026/NQ-HĐND NGÀY 28/8/2026 CỦA HĐND TỈNH
(Kèm theo Quyết định số 2279/QĐ-UBND ngày 09 tháng 09 năm 2026 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
1	Vay vốn hỗ trợ chi phí đi làm việc thời vụ ở nước ngoài	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ vay vốn	Hội sở Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Sơn La hoặc Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội	Trực tiếp	Không	Nghị quyết số 25/2026/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La về ban hành Quy định chính sách hỗ trợ người lao động của tỉnh Sơn La đi làm việc ở nước ngoài giai đoạn 2026-2030
2	Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã;	Trực tiếp; thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.	Không	Nghị quyết số 25/2026/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La về ban hành Quy định chính sách hỗ trợ người lao động của tỉnh Sơn La đi làm việc ở nước ngoài giai đoạn 2026-2030

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục vay vốn hỗ trợ chi phí đi làm việc thời vụ ở nước ngoài

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Khách hàng vay vốn

+ Lập Giấy đề nghị vay vốn mẫu số 02 phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2026/NQ-HĐND.

+ Nộp giấy đề nghị vay vốn và các giấy tờ khác (nếu có) trong Hồ sơ vay vốn cho Tổ TK&VV nơi khách hàng cư trú hợp pháp.

- Bước 2: Ban quản lý Tổ TK&VV

+ Họp Tổ bổ sung tổ viên, bình xét cho vay (mẫu số 10C/TD).

+ Kiểm tra các yếu tố trên hồ sơ vay vốn, lập Danh sách tổ viên đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD) và gửi kèm giấy đề nghị vay vốn (mẫu số 2) của các tổ viên trình UBND cấp xã xác nhận.

+ Gửi bộ hồ sơ vay vốn tới NHCSXH nơi thực hiện thủ tục sau khi có xác nhận của UBND cấp xã trên Danh sách (mẫu số 03/TD).

- Bước 3: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục

+ Kiểm tra, đối chiếu tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của đối tượng vay vốn, hồ sơ vay vốn, đối chiếu tên người đi lao động đi làm việc thời vụ ở nước ngoài trong hồ sơ vay vốn với danh sách người lao động trúng tuyển đi làm việc thời vụ ở nước ngoài theo Thông báo kết quả tuyển chọn người lao động đi làm việc thời vụ của Sở Nội vụ tỉnh Sơn La trình Trưởng phòng Kế hoạch - Tín dụng/Tổ trưởng Tổ Kế hoạch – Tín dụng kiểm soát, sau đó trình Giám đốc NHCSXH nơi thực hiện thủ tục xem xét, phê duyệt hồ sơ vay vốn.

+ NHCSXH nơi thực hiện thủ tục lập Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD) gửi UBND xã để thông báo cho khách hàng vay vốn.

+ NHCSXH nơi thực hiện thủ tục cùng khách hàng vay vốn lập Hợp đồng tín dụng (mẫu số 07/LĐTV).

b) Cách thức thực hiện: Khách hàng vay vốn nộp hồ sơ vay vốn trực tiếp cho Ban quản lý Tổ TK&VV nơi người vay cư trú hợp pháp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Giấy đề nghị vay vốn mẫu số 02 phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2026/NQ-HĐND.

(2) Văn bản ủy quyền mẫu số 03/LĐTV (nếu có).

(3) Hợp đồng tín dụng mẫu số 07/LĐTV.

(4) Bản sao hợp lệ hợp đồng lao động đi làm việc ở nước ngoài đã ký kết giữa người lao động và bên sử dụng lao động ở nước ngoài.

(5) Bản sao hợp lệ hộ chiếu còn thời hạn của người lao động, trừ trường hợp khai thác được thông tin trong cơ sở dữ liệu dùng chung.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày NHCSXH nơi thực hiện thủ tục nhận được bộ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của khách hàng vay vốn.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: người lao động

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục (Phòng giao dịch NHCSXH trực thuộc, Hội sở chi nhánh tỉnh).

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

- Cơ quan phối hợp: UBND xã, các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cấp xã và Ban quản lý Tổ TK&VV, Trưởng thôn.

g) Kết quả thực hiện TTHC

- Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD).

- Hợp đồng tín dụng (mẫu số 07/LĐTV).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị vay vốn mẫu số 02 phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2026/NQ-HĐND.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Người lao động thường trú trên địa bàn tỉnh Sơn La từ đủ mười hai tháng trở lên đi làm việc thời vụ ở nước ngoài, đã ký hợp đồng đi làm việc thời vụ ở nước ngoài với bên sử dụng lao động ở nước ngoài và có tên trong danh sách người lao động trúng tuyển đi làm việc thời vụ ở nước ngoài theo Thông báo kết quả tuyển chọn người lao động đi làm việc thời vụ của Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Việc làm số 74/2025/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội.

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

- Căn cứ Nghị định số 06/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của NHCSXH;

- Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm.

- Căn cứ Nghị quyết số 25/2026/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La về quy định chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài giai đoạn 2026-2030.

Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2026/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN
HỖ TRỢ ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO THỜI VỤ**

Kính gửi:

Họ và tên:Ngày, tháng, năm sinh: ... /... /.....

Dân tộc:Giới tính:

Thẻ căn cước/Căn cước công dân/hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Địa chỉ đăng ký thường trú:

Nơi ở hiện tại:

Điện thoại:

Tôi có nhu cầu vay vốn để đi làm việc thời vụ ở nước ngoài tại quốc gia/vùng lãnh thổ
..... theo hợp đồng lao động đã ký với chủ sử dụng lao động
ngày...../...../.....trong thời hạn.....tháng.

Đề nghị Ngân hàng cho vay số tiền: đồng

(Bằng chữ:)

Thời hạn vay: tháng; định kỳ hạn trả gốc: tháng/kỳ

Trả lãi:

Tôi cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn, nếu sai tôi
xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã

Xác nhận ông (bà):
có đăng ký thường trú tại xã, thuộc đối tượng
đi làm việc thời vụ ở nước ngoài trong danh
sách do UBND xã quản lý.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

....., ngày ... tháng ... năm 20

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ VAY VỐN

(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ỦY QUYỀN

Căn cứ Bộ Luật dân sự năm 2015 và các quy định pháp luật khác có liên quan;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2026/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La về quy định chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Hợp đồng lao động đi làm việc ở nước ngoài đã ký kết ngày.....giữa Ông (Bà) với bên sử dụng lao động ở nước ngoài.

Hôm nay, ngày tháng năm tại chúng tôi gồm:

I. BÊN ỦY QUYỀN

1. Họ tên người ủy quyền:; Năm sinh:.....
2. Thẻ căn cước/căn cước công dân số/hộ chiếu số:.....;
- Ngày cấp:/...../.....; Ngày hết hạn/...../.....; Nơi cấp:
3. Địa chỉ đăng ký thường trú:
-
4. Nơi ở hiện tại:
5. Số điện thoại:; Địa chỉ thư điện tử:.....

II. BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

1. Họ tên người được ủy quyền:; Năm sinh:
2. Thẻ căn cước/căn cước công dân số/hộ chiếu số:.....;
- Ngày cấp:/...../.....; Ngày hết hạn/...../.....; Nơi cấp:
3. Địa chỉ đăng ký thường trú:
-
4. Nơi ở hiện tại:
5. Số điện thoại:; Địa chỉ thư điện tử:

III. NỘI DUNG ỦY QUYỀN

Bên ủy quyền ủy quyền cho Bên được ủy quyền thực hiện một số nội dung công việc, nghĩa vụ của Bên ủy quyền đối với khoản vay hỗ trợ chi phí đi làm việc ở nước ngoài theo thời vụ tại Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội (sau đây gọi là NHCSXH nơi cho vay) trong thời gian Bên ủy quyền đang làm việc thời vụ ở nước ngoài, như sau:

1. Bên ủy quyền ủy quyền cho Bên được ủy quyền thực hiện trả nợ bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản, nộp tiền vào tài khoản tiền gửi thanh toán của Bên ủy quyền mở tại NHCSXH nơi

cho vay để NHCSXH nơi cho vay thực hiện trích thu nợ (lãi, gốc) theo Hợp đồng tín dụng đã được ký kết giữa Bên ủy quyền với NHCSXH nơi cho vay.

2. Bên được ủy quyền được thay mặt bên ủy quyền để nhận các thông báo từ NHCSXH nơi cho vay và thực hiện các thủ tục đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ trong trường hợp chưa trả nợ gốc theo thỏa thuận trên Hợp đồng tín dụng, đề nghị khoan nợ khi người ủy quyền gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan, chưa có khả năng trả nợ và cung cấp các giấy tờ cần thiết kèm theo hồ sơ đề nghị xử lý nợ; một số nội dung công việc, hồ sơ thủ tục khác theo yêu cầu của NHCSXH nơi cho vay và Quy ước của Tổ TK&VV nơi Bên ủy quyền là tổ viên.

3. Lưu giữ và cung cấp giấy tờ, tài liệu chứng minh việc sử dụng vốn vay của bên ủy quyền cho Ngân hàng.

IV. CAM KẾT

1. Các bên cam kết chịu trách nhiệm, thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung ủy quyền tại văn bản này.

2. Văn bản ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực khi quyền và nghĩa vụ giữa bên ủy quyền với Ngân hàng Chính sách xã hội kết thúc theo quy định.

3. Bên ủy quyền và Bên được ủy quyền đã hiểu rõ mọi quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình. Chúng tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi cam kết trong nội dung ủy quyền nêu trên.

Văn bản ủy quyền này được lập 04 bản có giá trị pháp lý như: 01 bản gửi NHCSXH nơi cho vay, 01 bản lưu tại UBND xã, Bên ủy quyền và Bên được ủy quyền mỗi người giữ 01 bản./.

BÊN ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên)

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA UBND CẤP XÃ

.....
.....
.....

T.M ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Văn bản ủy quyền được các bên thỏa thuận thực hiện công chứng hoặc chứng thực tại cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định hiện hành của pháp luật.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số:
07/LĐTV
Lập 02 liên
01 liên lưu NH
01 liên lưu KH

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG¹

Số:/20../HD-TD

(Áp dụng cho vay đối với người lao động)

Căn cứ bộ Luật dân sự và các quy định pháp luật khác có liên quan;

Căn cứ Luật Việc làm số 74/2025/QH15 ngày 16/06/2025 của Quốc Hội;

Căn cứ Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2026/NQ-HĐND ngày 28/8/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La về quy định chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài giai đoạn 2026-2030;

Hôm nay, ngày tháng năm tại chúng tôi gồm:

Bên cho vay

- Tên Ngân hàng Chính sách xã hội:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Họ và tên người đại diện:..... Chức vụ:
- Giấy uỷ quyền (nếu có):

Bên vay

- Họ và tên người vay:
- Ngày, tháng, năm sinh:
- Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước số/Hộ chiếu số:.....
- Ngày cấp.....nơi cấp.....
- Có thời hạn đến
- Địa chỉ đăng ký thường trú:.....
- Nơi ở hiện tại:.....
- Văn bản uỷ quyền (nếu có):.....
- Điện thoại liên hệ:.....

Hai Bên cùng thống nhất ký kết Hợp đồng này theo các nội dung thỏa thuận sau đây:

Điều 1. Nội dung cho vay

1. Tổng số tiền cho vay: đồng.

(Bằng chữ:).

¹ Hợp đồng tín dụng được đánh máy và đóng dấu giáp lai, Bên cho vay (Trưởng phòng Kế hoạch - Tín dụng/Tổ trưởng Tổ Kế hoạch – Tín dụng) và Bên vay cùng ký nháy vào từng trang.

2. Đồng tiền cho vay và trả nợ: Việt Nam Đồng (VNĐ)

3. Thời hạn cho vay: tháng, bắt đầu từ/...../.....; hạn trả nợ cuối cùng ngày/...../.....;

4. Hình thức giải ngân: Tiền mặt hoặc chuyển khoản

5. Lãi suất cho vay:

- Lãi suất cho vay: 7,9248%/năm.

- Lãi suất quá hạn: 130% lãi suất cho vay

6. Kỳ hạn trả nợ gốc, lãi

a) Kỳ hạn trả nợ gốc: Trả nợ gốc 01 lần khi đến hạn

b) Kỳ hạn trả lãi: Trả hằng tháng.

7. Thu nợ gốc, lãi

- Bên cho vay thực hiện thu nợ gốc, lãi theo quy định của Bên cho vay.

- Bên vay có thể trả nợ gốc trước hạn bằng tiền mặt hoặc trả vào tài khoản tổ viên của Bên vay. Trường hợp Bên vay trả vào tài khoản tổ viên:

+ Bên vay nộp tiền vào tài khoản tổ viên, nội dung nộp tiền ghi rõ: “Nộp tiền trả nợ gốc và lãi tiền vay trước hạn cho Hợp đồng tín dụng số ...” trên Giấy nộp tiền và thông tin cho Bên cho vay để làm cơ sở thực hiện thu nợ.

+ Bên vay chuyển khoản vào tài khoản tổ viên, nội dung chuyển khoản ghi rõ: “Nộp tiền trả nợ gốc và lãi tiền vay trước hạn cho Hợp đồng tín dụng số ...” và thông tin cho Bên cho vay để làm cơ sở thực hiện thu nợ.

- Thứ tự thu nợ gốc, lãi của khoản vay thực hiện theo quy định của Bên cho vay.

Điều 2. Giải ngân

Hình thức giải ngân: Tiền mặt ☐

Chuyển khoản: ☐

Tên người thụ hưởng.....

Số tài khoản.....tại.....

Điều 3. Mục đích sử dụng tiền vay

.....
.....

Điều 4. Xử lý nợ đến hạn

1. Gia hạn nợ

Trước ngày đến hạn trả nợ cuối cùng, tối đa 03 tháng và tối thiểu 05 ngày làm việc, Bên vay không có khả năng trả được nợ và có nhu cầu gia hạn nợ, Bên vay phải lập Giấy đề nghị gia hạn nợ gửi Bên cho vay để xem xét cho gia hạn nợ theo quy định của Bên cho vay.

2. Chuyển nợ quá hạn

Đến hạn cuối cùng của thời hạn cho vay đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, nếu Bên vay chưa trả được nợ, không được Bên cho vay xem xét cho gia hạn nợ, thì Bên cho vay chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại sang quá hạn.

Điều 5. Xử lý các vi phạm

1. Tạm dừng cho vay: Bên vay vi phạm các cam kết trong Hợp đồng tín dụng và đang trong thời gian khắc phục sửa chữa.

2. Chấm dứt cho vay: Bên vay vi phạm các cam kết trong Hợp đồng tín dụng nhưng không khắc phục, sửa chữa. Trong thời gian tối đa 03 tháng kể từ thời điểm thông báo cho Bên vay về việc chấm dứt cho vay, Bên cho vay thực hiện thu hồi nợ trước hạn, nếu Bên vay không trả hết số nợ vi phạm thì chuyển số nợ vi phạm còn lại sang quá hạn.

3. Chuyển nợ quá hạn

Đối với trường hợp Bên vay sử dụng vốn vay sai mục đích đã ghi trong Hợp đồng tín dụng và được ghi nhận trong Biên bản kiểm tra, sau thời gian tối đa 30 ngày kể từ ngày phát hiện sai phạm được ghi trong Biên bản kiểm tra, Bên cho vay đã phối hợp với các cơ quan liên quan và chính quyền địa phương áp dụng các biện pháp để đôn đốc, yêu cầu Bên vay thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nếu Bên vay không trả hết số nợ sử dụng sai mục đích thì chuyển số nợ sử dụng sai mục đích còn lại sang quá hạn.

4. Thu hồi nợ trước hạn

Bên cho vay có quyền ra thu hồi nợ trước hạn trong các trường hợp sau:

- Bên vay bị khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi.
- Bên vay cung cấp sai sự thật, vi phạm quy định trong Hợp đồng này, không cung cấp, cung cấp không đầy đủ hoặc không đúng thời hạn các tài liệu/chứng từ chứng minh liên quan đến việc sử dụng vốn vay, không phối hợp với Bên cho vay trong quá trình kiểm tra, giám sát sau cho vay.
- Bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các yêu cầu, chỉ dẫn của Bên cho vay liên quan đến các công việc nhằm ký kết, thực hiện, duy trì Hợp đồng này.
- Bên vay vi phạm pháp luật, chính sách của Nhà nước, căn cứ kết luận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc Bên cho vay phải thu hồi nợ trước hạn; hoặc Bên cho vay phải thu hồi nợ trước hạn để bảo đảm thu hồi nợ vay.
- Bên vay vi phạm HĐLĐ hoặc vì các lý do chủ quan thuộc về bên vay mà bị chấm dứt HĐLĐ, buộc về nước trước hạn thì phải trả nợ trước hạn trong phạm vi 30 ngày kể từ khi chấm dứt HĐLĐ, nếu không trả nợ trước hạn toàn bộ dư nợ sẽ bị chuyển sang nợ quá hạn.

5. Khởi kiện trước pháp luật: Bên cho vay có quyền khởi kiện trong các trường hợp sau:

- Bên vay vi phạm Hợp đồng tín dụng đã được Bên cho vay thông báo bằng văn bản nhưng không khắc phục;
- Bên vay có nợ quá hạn do nguyên nhân chủ quan nhưng không có biện pháp khả thi để trả Bên cho vay; Bên vay có năng lực tài chính để trả nợ nhưng cố tình trốn tránh trả nợ theo thỏa thuận;
- Bên vay có hành vi lừa đảo, gian lận;
- Các vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Quyền và Nghĩa vụ của Bên cho vay

1. Thực hiện đúng những nội dung đã thỏa thuận;

2. Yêu cầu Bên vay thực hiện đúng các điều khoản thỏa thuận;
3. Yêu cầu Bên vay cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết liên quan đến món vay;
4. Kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng vốn vay, khả năng trả nợ của Bên vay;
5. Từ chối các yêu cầu của Bên vay không đúng với quy định của pháp luật và thỏa thuận trong Hợp đồng này.

Điều 7. Quyền và Nghĩa vụ của Bên vay

1. Thực hiện đúng những nội dung đã thỏa thuận;
2. Được quyền yêu cầu Bên cho vay thực hiện đúng các điều khoản thỏa thuận;
3. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến vay vốn và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp;
4. Sử dụng vốn vay đúng mục đích; báo cáo việc sử dụng vốn vay và cung cấp tài liệu chứng minh việc sử dụng vốn vay theo Hợp đồng này;
5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Bên cho vay trong sử dụng vốn vay và trả nợ;
6. Phải thông báo kịp thời cho Bên cho vay những thay đổi về nơi cư trú, địa chỉ liên lạc, số điện thoại và những thay đổi khác ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Bên vay.

Điều 8. Cam kết chung

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của Hợp đồng tín dụng này. Mọi sửa đổi, bổ sung nội dung của các điều, khoản phải được sự thỏa thuận của hai bên bằng văn bản.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có tranh chấp xảy ra thì hai bên thống nhất giải quyết trên tinh thần hợp tác. Trường hợp không thương lượng được thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc khởi kiện theo pháp luật.
3. Hợp đồng này và các văn bản bổ sung hợp đồng (nếu có) là một bộ phận thống nhất không thể tách rời nhau, các Bên phải có nghĩa vụ chấp hành.
4. Khi Bên vay trả hết nợ gốc, lãi và các chi phí phát sinh khác (nếu có) theo Hợp đồng này, thì Hợp đồng này mặc nhiên được thanh lý.

Điều 9. Một số thỏa thuận khác

Điều 10. Hợp đồng tín dụng có hiệu lực kể từ ngày ký cho tới khi Bên vay hoàn thành nghĩa vụ trả nợ bao gồm cả tiền gốc, lãi và các chi phí phát sinh khác (nếu có).

Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN VAY
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN CHO VAY
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

(Kèm theo Hợp đồng tín dụng số:/20..../HD-TD ngày .../.../.....)

1. Phần theo dõi cho vay*Đơn vị: đồng*

Ngày tháng năm	Số tiền giải ngân	Lãi suất %/năm	Hạn trả nợ cuối cùng	Dư nợ trong hạn	Chữ ký	
					Bên vay	Kế toán
1	2	3	4	5	6	7

2. Phần theo dõi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ*Đơn vị: đồng*

Ngày, tháng, năm	Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ		Gia hạn nợ		Chữ ký	
	Số tiền	Đến ngày, tháng, năm	Số tiền	Đến ngày, tháng, năm	Bên vay	Kế toán
1	2	3	4	5	6	7

3. Phần theo dõi nợ quá hạn, nợ bị rủi ro*Đơn vị: đồng*

Ngày tháng năm	Diễn giải	Số tiền chuyển nợ quá hạn/khoanh nợ/xoá nợ	Dư nợ quá hạn/khoanh nợ/xoá nợ	Chữ ký	
				Bên vay	Kế toán
1	2	3	4	5	6

2. Thủ tục hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người lao động hoặc người được người lao động ủy quyền nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài.

Bước 2: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, ban hành quyết định hỗ trợ và tổ chức chi trả cho người lao động theo quy định tại Nghị quyết này. Nếu không hỗ trợ thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã nơi thường trú hợp pháp, trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Giấy đề nghị hỗ trợ của người lao động hoặc của người được người lao động ủy quyền theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2026/NQ-HĐND.

(2) Bản sao hợp lệ hợp đồng chứng minh người lao động đi làm việc ở nước ngoài thuộc một trong các trường hợp sau:

- Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài đã ký kết giữa người lao động với doanh nghiệp dịch vụ hoặc đơn vị sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;

- Hợp đồng cá nhân giữa người lao động với người sử dụng lao động nước ngoài kèm theo văn bản xác nhận đăng ký hợp đồng cá nhân đối với người lao động trực tiếp giao kết hợp đồng với người sử dụng lao động ở nước ngoài;

- Hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động với chủ sử dụng lao động đối với người lao động đi làm việc thời vụ ở nước ngoài.

(3) Bản sao hợp lệ hộ chiếu còn thời hạn và thị thực, trừ trường hợp khai thác được thông tin trong cơ sở dữ liệu dùng chung.

(4) Bản sao hợp lệ chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa giáo dục định hướng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề, ngoại ngữ của người lao động làm cơ sở thanh toán chi phí ăn, ở trong thời gian đào tạo.

(5) Hoá đơn hoặc biên lai thu tiền giáo dục định hướng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề, ngoại ngữ, khám sức khỏe, hộ chiếu, thị thực và lý lịch tư pháp.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người lao động

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định hỗ trợ và thanh toán tiền hỗ trợ cho người lao động.
- Hoặc văn bản thông báo trong trường hợp không hỗ trợ và nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị hỗ trợ của người lao động hoặc của người được người lao động ủy quyền theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2026/NQ-HĐND.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Người lao động thường trú trên địa bàn tỉnh từ đủ mười hai tháng trở lên đi làm việc ở nước ngoài, bao gồm:

- Người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Việc làm số 74/2025/QH15.

- Người lao động đi làm việc thời vụ ở nước ngoài theo hình thức hợp tác giữa các địa phương của hai nước.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị quyết số 25/2026/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La về ban hành Quy định chính sách hỗ trợ người lao động của tỉnh Sơn La đi làm việc ở nước ngoài giai đoạn 2026-2030.

Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2026/NQ-HĐND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI

Kính gửi:.....

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:.....Giới tính:.....

CCCD/CC/hộ chiếu số:.....ngày cấp.....nơi cấp:.....

Đăng ký thường trú tại:.....

Chỗ ở hiện tại:.....

Điện thoại liên hệ (nếu có):.....Email:.....

Tôi làm đơn này đề nghị hỗ trợ chi phí đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị quyết số 25/2026/NQ-HĐND ngày 28/8/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La để tham gia đi làm việc tại nước.....

Số tiền đề nghị hỗ trợ:.....

Bao gồm:

- Chi phí đào tạo giáo dục định hướng:đ
- Chi phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề:đ
- Chi phí đào tạo ngoại ngữ:đ
- Tiền ăn, sinh hoạt phí trong thời gian đào tạo:đ
- Tiền ở trong thời gian đào tạo:đ
- Tiền đi lại:.....đ
- Lệ phí làm hộ chiếu:đ
- Lệ phí cấp phiếu lý lịch tư pháp:đ
- Lệ phí làm thị thực:đ
- Chi phí khám sức khỏe:đ

(Có hồ sơ, chứng từ kèm theo)

Đề nghị chuyển tiền hỗ trợ vào tài khoản (tên chủ tài khoản):

.....Số tài khoản: tại Ngân hàng:

Tôi xin cam đoan những thông tin trên là đúng sự thật, chưa từng nhận hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo chính sách này và chính sách hiện hành khác của Nhà nước. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Xác nhận của Công an xã
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Xác nhận ông (bà):
 có thời gian đăng ký thường trú tại tỉnh Sơn
 La từ đủ mười hai tháng trở lên.

....., ngàytháng.....năm.....

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)